TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 7 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Ông Nguyễn Văn Tịnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Kha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2025/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh ngày 29/04/1990; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số G, TDP số 2 phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú hiện nay: Số nhà C, Tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng (nay là số nhà C, Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Hải Phòng) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Hồng B, sinh năm 1984; cư trú tại ấp K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2025 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Đỗ Văn T trình bày: Anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Hồng B sống chung vào khoảng năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã Đ) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau này hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc, hiện tại anh chị không

còn sống chung. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được anh cũng không còn tình cảm gì với chị B nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Hồng B.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Hồng B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập chị B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng chị B vắng mặt không rõ lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh T đúng theo quy định pháp luật, bị đơn chị B chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Văn T đối với chị Nguyễn Hồng B; về con chung, tài sản chung và nợ: Anh Đỗ Văn T xác định không có tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Đỗ Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Đỗ Văn T yêu cầu ly hôn, bị đơn chị Nguyễn Hồng B, cư trú tại ấp K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau), nên đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Cà Mau) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Anh Đỗ Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận, còn chị Nguyễn Hồng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị B.

[4] Về nội dung: Anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Hồng B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân giữa anh T và chị B là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Hồng B. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Tú xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, không hàn gắn được. Mục đích hôn nhân là để tạo dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải yêu thương, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống anh T và chị B phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng không hàn gắn được, hiện tại anh T và chị B không còn sống chung, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Văn T đối với chị Nguyễn Hồng B.

[6] Về con chung, tài sản chung và nợ: Anh Đỗ Văn T xác định, anh T và chị B không có con chung, không có tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng. Anh Tú đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010615 ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8, tỉnh Cà Mau) được chuyển thu án phí toàn bộ số tiền trên.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điểm a, b khoản 1 Điều 227; các điểm a, b khoản 1 Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Văn T đối với chị Nguyễn Hồng B.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình anh Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng. Anh Tú đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số

0010615 ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8, tỉnh Cà Mau) được chuyển thu án phí toàn bộ số tiền trên.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Hồng B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 8;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- UBND xã Định Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Tăng Giàu